

Số: 142/2024/QĐPT-DS

Hậu Giang, ngày 15 tháng 8 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**PHÚC THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**  
**V/v tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

*Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* Ông Võ Hoàng Khải

*Các Thẩm phán:* Ông Hồ Văn Luông

Bà Đào Thị Thủy

*Thư ký phiên họp:* Bà Cao Kiều Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Trong các ngày 12 và 15 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang mở phiên họp phúc thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 115/2024/TLPT-DS ngày 23 tháng 4 năm 2024 về việc “Tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu”.

Do Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu số 01/2024/QĐST-VDS của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định mở phiên họp phúc thẩm giải quyết việc dân sự số 119/2024/QĐPT-DS ngày 12 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên họp phúc thẩm giải quyết việc dân sự số 102/2024/QĐPT-DS ngày 19 tháng 6 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà Nguyễn Thị P; Địa chỉ ấp T, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Huỳnh N; Địa chỉ số A T, phường H, quận N, thành phố Cần thơ.

2. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

2.1. Văn phòng công chứng Nguyễn Xuân T. Công chứng viên Nguyễn Xuân T; Địa chỉ ấp T, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

2.2. Bà Trần Thanh P1; Địa chỉ ấp T, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Trần Nguyễn Hồng P2; Địa chỉ ấp T, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

2.3. Bà Trần Thị Bé B; Địa chỉ ấp T, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

2.4. Ông Trần Thanh H; Địa chỉ ấp T, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

2.5. Ông Trần Văn B1 (Đã chết); Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông B1 là:

- Ông Trần Thanh X; Địa chỉ ấp T, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang.
- Ông Trần Thiện A; Địa chỉ ấp T, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang.
- Ông Trần Dũng E; Địa chỉ ấp T, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang.
- Ông Trần Ngọc T1; Địa chỉ ấp T, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang.
- Bà Trần Thanh P1; Địa chỉ ấp T, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang.
- Bà Trần Thị Bé B; Địa chỉ ấp T, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang.
- Ông Trần Thanh H; Địa chỉ ấp T, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang.
- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị P.

### **NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

*Theo đơn yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu ngày 26/10/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ việc, cũng như tại phiên họp cấp sơ thẩm người có yêu cầu giải quyết việc dân sự bà Nguyễn Thị P trình bày:*

Bà Nguyễn Thị P và ông Trần Văn B1 kết hôn với nhau từ trước năm 1975, đến năm 2006 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống bà P và ông B1 có tạo lập được nhiều tài sản chung. Trong đó có thửa đất số 6258, tờ bản đồ số 03, diện tích 2.545,2m<sup>2</sup>, vị trí đất tại ấp T, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang, nguồn gốc đất do bà P và ông B1 nhận chuyển nhượng từ năm 1990.

Ngày 21/8/2020 bà Nguyễn Thị P và ông Trần Văn B1 tặng cho phần đất tại thửa đất số 6258, diện tích 2.545,2m<sup>2</sup>, cho ông Trần Thanh H với điều kiện: *“Không được chuyển nhượng, tặng cho hoặc cầm cố, thế chấp. Phải giữ gìn phần đất trên làm khu mộ cho gia đình, một phần canh tác, thu hoạch dùng vào việc thờ cúng và tu bổ mồ mã cho gia đình”*. Trên đất đã xây dựng 02 nguyệt mộ vào năm 2003 để khi bà P và ông B1 qua đời sẽ chôn cất. Ông Trần Thanh H đã tặng cho phần đất tại thửa đất số 6258, tờ bản đồ số 03, diện tích 2.545,2m<sup>2</sup>, cho bà Trần Thị Bé B. Ngày 18/5/2022 Trần Thị Bé B giao lại đất cho bà P và ông B, nhưng do ông Trần Văn B1 đứng tên. Ngày 29/6/2022 ông Trần Văn B1 lập di chúc, để lại cho bà Trần Thanh P1 được thừa hưởng 1.608,8m<sup>2</sup> đất (trong tổng số 2.545,2m<sup>2</sup>), không thông qua ý kiến của bà P. Yêu cầu tuyên bố di chúc lập ngày 29/6/2022, số công chứng 2248, quyển số 02/2022/TP/CC-SCCDC tại Văn phòng C vô hiệu.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn B1 trình bày:* Ông B1 và bà P kết hôn vào khoảng năm 1966 - 1967. Có tạo lập được tài sản chung thừa đất số 6258, tờ bản đồ số 03, diện tích 2.545.2m<sup>2</sup>, có nguồn gốc do ông B1 nhận chuyển nhượng từ năm 1976 - 1977, sau khi kết hôn với bà P. Thừa đất số 6258, tờ bản đồ số 03, diện tích 2.545.2m<sup>2</sup>, cho ông H là bà P cho ông B1 không biết, khi ông H tặng cho đất lại cho bà B2 B1 thì ông B1 biết, khi bà B2 B1 tặng cho đất lại cho ông B1 thì bà P biết. Khi bà Trần Thị Bé B tặng cho đất ông Trần Văn B1 là có là hợp đồng theo quy định của pháp luật. Khi ông Trần Văn B1 lập di chúc cho bà Trần Thanh P1 phần đất 1.608.8m<sup>2</sup> đất (trong tổng số 2.545,2m<sup>2</sup>) thừa đất số 6258, tờ bản đồ số 03, thì bà P biết nhưng không phản đối. Trên đất có hai cái nguyệt mộ, dừa, dâu và sầu riêng. Ông Trần Văn B1 không đồng ý với yêu cầu của bà Nguyễn Thị P.

*Trần Thanh P1 trình bày:* Cha mẹ bà P1 ông Trần Văn B1 và bà Nguyễn Thị P, nguồn gốc thừa đất số 6258, tờ bản đồ số 03, diện tích 2.545,2m<sup>2</sup> là của ông B1, ông B1 cho ông H, ông H cho bà Bé B, bà Bé B cho ông B thì bà P có biết, trên đất có hai cái nguyệt mộ, sầu riêng, dừa, mít. Khi ông Trần Văn B1 lập di chúc tặng cho đất bà P1 thừa đất số 6258, tờ bản đồ số 03, thì bà P biết vì bà P là người yêu cầu ông B1 lập di chúc để đất cho bà P1. Bà Trần Thanh P1 đồng ý với ý kiến của ông Trần Văn B1 và không có ý kiến gì thêm.

*Trần Thị Bé B trình bày:* Nguồn gốc thừa đất số 6258, tờ bản đồ số 03 là của ông B cho ông H, ông H tặng cho lại bà Bé B, bà B2 B1 tặng cho lại đất cho ông B. Khi bà Trần Thị Bé B làm hợp đồng tặng cho đất cho lại ông Trần Văn B1 là cho riêng ông B1, không có tặng cho đất bà P. Khi bà B2 B1 tặng cho đất lại cho ông B1, bà P có biết, trên đất có hai cái nguyệt mộ, cây măng cụt, dâu, dừa. Bà Trần Thị Bé B không có ý kiến gì yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Trần Thanh H trình bày:* Ngày 21/8/2020 ông B và bà P thống nhất cho đất ông H thừa đất số 6258, tờ bản đồ số 03, diện tích 2.545.2m<sup>2</sup>, không nhớ có làm hợp đồng công chứng hay không. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV246819/CS04360 cấp ngày 21/8/2020. Trên đất có hai cái nguyệt mộ và nhà mồ do ông B xây dựng, có trồng mít, sầu riêng. Đến tháng 10/2020 ông H làm hợp đồng tặng cho phần đất này cho bà Trần Thị Bé B.

*Tại Quyết định số 01/2024/QĐST-VDS ngày 18/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang quyết định:*

Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị P về việc tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu. (Di chúc lập ngày 29/6/2022, số công chứng 2248, quyền số 02/2022/TP/CC-SCCDC tại Văn phòng C).

Ngoài ra, Quyết định còn tuyên về lệ phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo, kháng nghị và quyền yêu cầu thi hành quyết định của đương sự.

Ngày 22/01/2024, bà Nguyễn Thị P có đơn kháng cáo Quyết định sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa quyết định sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị P.

*Tại phiên họp phúc thẩm:* Đại diện ủy quyền của người yêu cầu là ông Huỳnh N yêu cầu Hội đồng xét phiên họp thống nhất với ý chí của của bà Nguyễn Thị P tự nguyện rút đơn yêu cầu và đơn kháng cáo và đề nghị hủy quyết định giải quyết việc dân sự của cấp sơ thẩm và đình chỉ giải quyết việc dân sự. Đại diện ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thanh P1 là ông Trần Nguyễn Hồng P2 không đồng ý việc rút đơn yêu cầu chỉ đồng ý cho rút đơn kháng cáo và đề nghị giữ nguyên quyết định giải quyết việc dân sự của cấp sơ thẩm. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Trần Văn B1 đã được triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do và đều không có văn bản nêu ý kiến.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Hội đồng phúc thẩm nhận định:*

[1] Ngày 26/10/2023 bà Nguyễn Thị P có đơn yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng là di chúc lập ngày 29/6/2022, số công chứng 2248, quyển số 02/2022/TP/CC-SCCDC tại Văn phòng C vô hiệu (Gọi tắt: văn bản công chứng). Ngày 18/01/2024, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang mở phiên họp giải quyết yêu cầu của bà Nguyễn Thị P; Đến ngày 22/01/2024, bà Nguyễn Thị P có đơn kháng cáo quyết định sơ thẩm số 01/2024/QĐST-VDS ngày 18/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Trong thời gian thực hiện thủ tục thụ lý, giải quyết phúc thẩm ông Trần Văn B1 là người lập di chúc chết. Trong giai đoạn chuẩn bị xét kháng cáo bà Nguyễn Thị P có đơn rút toàn bộ yêu cầu văn bản công chứng vô hiệu và rút kháng cáo; Tòa án đã triệu tập những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông B1; Trong đó có, Trần Ngọc T1, Trần Dũng E, Trần Thiện A, Trần Thanh H đều có ý kiến thống nhất việc bà P rút toàn bộ yêu cầu giải quyết việc dân sự. Đối với những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông B1 còn lại đều vắng mặt chưa không nêu ý kiến về việc rút đơn; Tuy nhiên, trong số đó có bà Trần Thanh P1 không đồng ý việc rút đơn của bà P, nên Hội đồng đã tiến hành mở phiên họp phúc thẩm giải quyết theo thủ tục chung.

[2] Do có đương sự không thống nhất việc rút đơn yêu cầu, nên Hội đồng xét giải quyết việc dân sự căn cứ để xem xét trường hợp đương sự rút đơn yêu cầu. Xét thấy, Bộ luật tố tụng dân sự chưa có quy định về việc đương sự rút đơn yêu cầu việc dân sự ở giai đoạn phúc thẩm. Tuy nhiên, Trong giai đoạn tiền tố tụng và giai đoạn chuẩn bị xét yêu cầu được quy định theo điểm e khoản 1 Điều 364, điểm c khoản 2 Điều 366 Bộ luật tố tụng dân sự đều có quy định quyền đương sự được rút đơn yêu cầu tùy giai đoạn Tòa án trả đơn yêu cầu hoặc đình chỉ trả đơn yêu cầu và theo tương tự pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 299 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 có quy định việc rút đơn khởi kiện ở giai đoạn phúc thẩm phải hỏi ý kiến bị đơn. Trong vụ việc này, người yêu cầu là bà Nguyễn Thị P và đối tượng ảnh hưởng trực tiếp với yêu cầu là văn bản công

chứng số công chứng 2248, quyển số 02/2022/TP/CC-SCCDC tại Văn phòng C, do Công chứng viên Nguyễn Xuân T trực tiếp công chứng; Như vậy ông T là đối tượng có ý kiến về việc rút đơn của bà P. Ông T đã được triệu tập họp lệ kèm nội dung yêu cầu ông T nêu ý kiến về việc bà P rút đơn yêu cầu, nhưng ông T không đến dự phiên họp và không gửi ý kiến, xem như là không phản đối việc rút đơn của bà P; Do đó có căn cứ chấp nhận việc rút đơn yêu cầu và rút đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị P. Đối với những người có quyền lợi, liên quan khác và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn B1, trong đó có Trần Ngọc T1, Trần Dũng E, Trần Thiện A, Trần Thanh H thống nhất việc rút đơn của bà P. Đối với Trần Thanh X và Trần Thị Bé B cũng đã được triệu tập họp lệ nhưng đều vắng mặt không lý do và không nêu ý kiến, như nhận định trên. Đối với ý kiến của người có quyền lợi, liên quan bà Trần Thanh P1 không đồng ý việc rút đơn; Nhận thấy bà P1 không phải là đối tượng bị yêu cầu và không phải là chủ thể được pháp luật quy định nêu ý kiến trong tố tụng dân sự, nên việc bà P1 không đồng ý cho bà P rút đơn không được chấp nhận.

[3] Mặt khác nội dung yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng là di chúc lập ngày 29/6/2022 là vô hiệu, nhưng bản chất vụ việc là phát sinh tranh chấp từ quyền về tài sản chung giữa bà P và ông B, quyết định giải quyết việc dân sự sơ thẩm cũng đã nhận định quan hệ tranh chấp và cho rằng, nguồn gốc thửa đất số là tài sản của ông B và bà P trong thời kỳ hôn nhân; Ngày 26/9/2019 ông Trần Văn B1 tặng cho bà Trần Thanh P1; Ngày 19/6/2020 bà Trần Thanh P1 ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Trần Thanh H; Ngày 22/9/2020 ông Trần Thanh H ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị Bé B; Ngày 15/3/2022 bà Trần Thị Bé B tiếp tục tặng cho quyền sử dụng đất cho cá nhân ông Trần Văn B1 và ông B1 lập di chúc thì phát sinh tranh chấp, nhưng cấp sơ thẩm đã thụ lý việc dân sự, lẽ ra phải chuyển từ vụ việc dân sự sang vụ án dân sự thì mới đảm bảo quyền lợi tố tụng và giải quyết triệt để vụ án.

[4] Từ những nhận định trên xét thấy việc rút đơn khởi kiện và đơn kháng cáo của người yêu cầu là tự nguyện, chủ thể liên quan trực tiếp đến yêu cầu Văn phòng công chứng Nguyễn Xuân T không có ý kiến phản đối về việc rút đơn của bà P, bà P1 không phải là đối tượng trực tiếp liên quan đến nội dung yêu cầu của bà P, nên bà ý kiến không đồng ý cho bà P rút đơn yêu cầu không được chấp nhận; Mặt khác, đây là vụ án có tranh chấp, nên giải quyết trong việc dân sự là chưa chính xác; Do đó, Hội đồng phiên họp phúc thẩm, áp dụng điểm d khoản 3 Điều 375 Bộ luật tố tụng dân sự hủy quyết định sơ thẩm số 01/2024/QĐST-VDS ngày 18/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang chấp nhận việc rút đơn yêu cầu, đơn kháng cáo của bà P; Hủy và đình chỉ giải quyết việc dân sự về yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu là có căn cứ.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 375 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

Hủy toàn bộ Quyết định số 01/2024/QĐST-VDS ngày 18/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh Hậu Giang và đình chỉ việc giải quyết vụ án về việc “*Yêu cầu tuyên bố di chúc lập ngày 29/6/2022, số công chứng 2248, quyển số 02/2022/TP/CC-SCCDC tại Văn phòng C vô hiệu*” giữa:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà Nguyễn Thị P; Địa chỉ ấp T, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Văn phòng công chứng Nguyễn Xuân T. Công chứng viên Nguyễn Xuân T; Địa chỉ ấp T, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

2. Bà Trần Thanh P1; Địa chỉ ấp T, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

3. Bà Trần Thị Bé B; Địa chỉ ấp T, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

4. Ông Trần Thanh H; Địa chỉ ấp T, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

5. Ông Trần Văn B1 (Đã chết); Có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là: ông Trần Thanh X, ông Trần Thiện A; ông Trần Dũng E; ông Trần Ngọc T1; bà Trần Thanh P1; bà Trần Thị Bé B; ông Trần Thanh H; Cùng địa chỉ ấp T, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Về lệ phí sơ thẩm và phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị P là người cao tuổi được miễn. Bà Nguyễn Thị P được nhận lại 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng lệ phí việc dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0002832 ngày 22/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Chi phí phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị P phải chịu 1.050.000đ; Trừ vào tiền tạm ứng, bà P đã nộp xong.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định, ngày 15/8/2024.

**Nơi nhận:**

- *Người yêu cầu;*
- *VKSND tỉnh Hậu Giang;*
- *TAND huyện C;*
- *VKSND huyện C;*
- *Lưu: Hồ sơ việc dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Võ Hoàng Khải**